TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào.

2. Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên toà: ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 635/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị T. T. K, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố Phước Đức A, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh B. L. P, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố Suối Cao B, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T. T. K trình bày:

Chị và anh B. L. P tự nguyện chung sống từ năm 2022, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2023 tại UBND xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh). Sau khi cưới, chị và anh P sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố Suối Cao B, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh). Anh, chị chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách. Ngoài ra, anh P không có trách nhiệm với gia đình, không

quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hoà. Chị và anh P không còn sống chung một nhà từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh, chị không hàn gắn tình cảm được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị và anh P có 01 người con chung tên B. T. M. T, sinh ngày 01/11/2023, hiện đang sống chung với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

* Bị đơn – anh B. L. P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. T. K đối với anh B. L. P.

Về con chung: Giao cháu B. T. M. T, sinh ngày 01/11/2023 cho chị K được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận chị K không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí được tính theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị T. T. K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh B. L. P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến

hành xét xử vắng mặt chị K, anh P là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị K và anh P chung sống từ năm 2022, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2023 tại UBND xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh). Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị K trình bày, anh, chị chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách và anh P không quan tâm đến vợ con. Mặc dù chị K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị về mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên, kết quả xác minh thể hiện: sau khi cưới, vợ chồng anh P, chị K sống chung với mẹ chồng tại khu phố Suối Cao B, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng tháng 01/2025 thì chị K đưa con về nhà ngoại sinh sống cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh, chị. Việc anh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chứng tỏ anh P không có thiện chí đoàn tụ, không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị K. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị K và anh P không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 01 người con chung tên B. T. M. T, sinh ngày 01/11/2023, hiện đang sống chung với chị K. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị K thấy rằng: cháu Thư chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống ổn định với chị K từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thư thì chị K vẫn chăm sóc con tốt, không có hành vi bỏ mặc hay ngược đãi, hành hạ con. Anh P không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung. Vì vậy, cần giao cháu Thư cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị K không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: chị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị K trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị T. T. K đối với anh B. L. P. Chị T. T. K được ly hôn với anh B. L. P.

2. Về con chung: giao cháu B. T. M. T, sinh ngày 01/11/2023 cho chị T. T. K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: chị K không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị K trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: chị K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số

0012135 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị K đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị K, anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Phòng thi án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh;
- UBND phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Yến